TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ THÁI HÒA** **TỈNH NGHỆ AN** Số: 10/2019/QĐST-KDTM	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** *Thái Hòa, ngày 04 tháng 11 năm 2019*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào các Điều 30; 48; 212; 213 và Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 275; 280; 463 và Điều 466 của Bộ luật dân sự.

Căn cứ vào Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng.

Căn cứ vào khoản 7 Điều 26; điểm e tiểu mục 1.4 mục 1 phần 2 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 13 Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Toà án nhân dân tối cao.

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 25 tháng 10 năm 2019 về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án Kinh doanh thương mại thụ lý số: 16/2019/TLST-KDTM ngày 22 tháng 7 năm 2019.

XÉT THẤY:

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng T

Địa chỉ trụ sở: Tháp B, 35 H, H, thành phố Hà Nội

Người đại diện theo pháp luật: Ông Phan Đức T – Chức vụ: Tổng giám đốc

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Đặng Văn T – Chức vụ: Giám đốc Ngân hàng T– Chi nhánh P

Địa chỉ: Số a, đường T, phường H, thị xã T, tỉnh Nghệ An.

Người được ủy quyền lại: Ông Nguyễn Trung K – Chức vụ: Trưởng phòng khách hàng doanh nghiệp kiêm Tổ phó tổ xử lý nợ

(Theo Quyết định uỷ quyền tham gia tố tụng và thi hành án dân sự số

393/QĐ-BIDV.PQ ngày 23/5/2019).

Ông Trần Việt V – Chức vụ: Chuyên viên khách hàng cá nhân kiêm thành viên Tổ xử lý nợ

(theo Quyết định uỷ quyền tham gia tố tụng và thi hành án dân sự số 394/QĐ-BIDV.PQ ngày 23/5/2019).

Địa chỉ: Số a, đường T, phường H, thị xã T, tỉnh Nghệ An.

Bị đơn: Công ty cổ phần T

Địa chỉ trụ sở: Khối T, phường L, thị xã T, tỉnh Nghệ An

Người đại diện theo pháp luật: Ông Lê Thái S – Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm tổng giám đốc.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Ông Võ Tá T, sinh năm: 1920

Trú tại: Khối 4, phường L, thị xã T, tỉnh Nghệ An

- Ông Võ Tá T, sinh năm: 1965

- Bà Phạm Thị S, sinh năm: 1967

- Ông Lê Huy H, sinh năm: 1990

- Bà Võ Thị Đ, sinh năm: 1969

Đều trú tại: Khối T, phường L, thị xã T, tỉnh Nghệ An.

Người đại diện theo uỷ quyền cho ông Võ Tá T: Ông Võ Tá T, sinh năm: 1950.

Trú tại: Khối T, phường H, thị xã T, tỉnh Nghệ An

2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Công ty cổ phần T có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng T tổng số tiền nợ gốc và lãi tính đến hết ngày 25/10/2019 là 3.255.058.949đ (ba tỷ, hai trăm năm mươi lăm triệu, không trăm năm mươi tám nghìn, chín trăm bốn mươi chín đồng) trong đó nợ gốc là 1.991.000.000đ (một tỷ, chín trăm chín mươi mốt triệu), nợ lãi trong hạn là 76.162.500đ (bảy mươi sáu triệu, một trăm sáu mươi hai nghìn, năm trăm đồng), nợ lãi quá hạn là 1.187.896.449đ.(một tỷ, một trăm tám mươi bảy triệu, tám trăm chín mươi sáu nghìn, bốn trăm bốn mươi chín đồng) theo hợp đồng tín dụng số 02/2015/814032/HĐTD ngày 28/5/2015; số 05/2014/814032/HĐTD ngày 20/6/2014, giấy đề nghị giải ngân kiêm hợp đồng tín dụng cụ thể số 06/2014/814032/HĐTD ngày 21/8/2014; giấy đề nghị giải ngân kiêm hợp đồng tín dụng cụ thể số 07/2014/814032/HĐTD ngày 25/8/2014; giấy đề nghị giải ngân kiêm hợp đồng tín dụng cụ thể số 01/2015/814032/HĐTD ngày 04/5/2015 và giấy đề nghị giải ngân kiêm hợp đồng tín dụng cụ thể số 02/2015/814032/HĐTD ngày 28/5/2015.

2.2. Kể từ ngày 05/11/2019 Công ty cổ phần T còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng cho đến khi Công ty cổ phần T thanh toán xong khoản nợ gốc này.

Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng T thì lãi suất mà Công ty cổ phần T phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng T theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng T.

2.3. Trong trường hợp Công ty cổ phần T không thanh toán hoặc thanh toán không đầy đủ khoản nợ trên thì Ngân hàng T có quyền yêu cầu Cơ quan có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp gồm:

+ Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất thuộc thửa đất số 349, tờ bản đồ số 08 đã được UBND thị xã T cấp cho ông Võ Tá T tại khối 4, phường L theo hợp đồng thế chấp tài sản số 01/2017/814032/HĐBĐ ngày 14/11/2017 giữa ngân hàng T và ông Võ Tá T,

+ Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất thuộc thửa đất số 178, tờ bản đồ số 01 đã được UBND huyện N cấp cho ông Võ Tá T tại khối T, phường L theo hợp đồng thế chấp tài sản số 3005/2011/814032/HĐTC ngày 29/4/2011 giữa ngân hàng T và hộ gia đình ông Võ Tá T,

+ 01 ô tô con nhãn hiệu Ford, số máy WLAT1217362, số khung UHMMAAR16394, BKS 37A -013.xx, giấy đăng ký xe số 002962 do Phòng cảnh sát giao thông Công an tỉnh Nghệ An cấp cho Công ty cổ phần T.

+ 01 ô tô tải ben nhãn hiệu Chiến Thắng, số máy D0129700546, số khung 18C7DA-00042; biển kiểm soát 37N-63xx, đăng ký xe số 0005493 do Phòng cảnh sát giao thông Công an tỉnh Nghệ An cấp cho Công ty cổ phần T.

+ 01 ô tôi tải ben nhãn hiệu Chiến Thắng số máy D-0129701053, số khung 18C7DD-00046, biển kiểm soát 37N- 71xx, giấy đăng ký xe số 003282 do Phòng cảnh sát giao thông Công an tỉnh Nghệ An cấp cho Công ty cổ phần T.

+ 01 ô tô tải ben nhãn hiệu Chiến Thắng số máy D0129700694, số khung 18C7DA-00044, biển kiểm soát 37N-63xx; giấy đăng ký xe số 0005868 do Phòng cảnh sát giao thông Công an tỉnh Nghệ An cấp cho Công ty cổ phần T.

+ 01 máy đào bánh xích hiệu Komatsu Pc 200-3, số khung 47x060024, số máy 65115-89969 theo các hợp đồng thế chấp số số 3006/2011/HĐTCTS ngày 29/4/2011 giữa ngân hàng T với Công ty cổ phần T và Hợp đồng thế chấp tài sản số 01/2015/814032/HĐBĐ ngày 05/11/2015 giữa ngân hàng T với Công ty cổ phần T

Sau khi xử lý tài sản thế chấp mà không đủ để thực hiện nghĩa vụ trả nợ thì Công ty cổ phần T phải có nghĩa vụ tiếp tục trả nợ cho Ngân hàng T đến khi thực hiện xong nghĩa vụ trả nợ. Nếu sau khi xử lý tài sản thế chấp để trả nợ mà đang còn và không có nghĩa vụ nào khác phải thanh toán thì Ngân hàng T phải chuyển trả lại cho Công ty cổ phần T, ông Võ Tá T, ông Võ Tá T và bà Phạm Thị S (bên thế chấp).

Trường hợp Công ty cổ phần T trả hết nợ trên thì Ngân hàng T phải trả lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BP 387872 do UBND thị xã Thái Hoà cấp cho ông Võ Tá T ngày 01/8/2014; giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số

L101017 do UBND huyện N cấp cho ông Võ Tá Tngày 30/11/1999, giấy đăng ký xe số 0005868 do Phòng cảnh sát giao thông công an tỉnh Nghệ An cấp cho Công ty cổ phần T ngày 25/9/2007; giấy đăng ký xe số 003282 do Phòng cảnh sát giao thông công an tỉnh Nghệ An cấp cho Công ty cổ phần T ngày 27/11/2007; giấy đăng ký xe số 0005493 do Phòng cảnh sát giao thông công an tỉnh Nghệ An cấp cho Công ty cổ phần T ngày 30/8/2007; giấy đăng ký xe số 002962 do Phòng cảnh sát giao thông công an tỉnh Nghệ An cấp cho Công ty cổ phần T ngày 11/3/2011 và các giấy tờ liên quan đến quyền sở hữu đối với tài sản thế chấp là 01 máy đào bánh xích hiệu Komatsu Pc 200-3, số khung 47x060024, số máy 65115-89969 cho Công ty cổ phần T.

2.4. Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ: Công ty cổ phần T thoả thuận chịu toàn bộ chi phí xem xét thẩm định tại chỗ với số tiền là 6.000.000đ để xem xét thẩm định tại chỗ đối với 07 loại tài sản gồm 02 quyền sử dụng đất và 05 động sản. Công ty cổ phần T có nghĩa vụ hoàn trả lại cho Ngân hàng T toàn bộ số tiền chi phí xem xét thẩm định tại chỗ mà ngân hàng đã nộp tạm ứng là 6.000.000đ (Sáu triệu đồng).

2.5. Về án phí: Ông Lê Thái S, thỏa thoả thuận Công ty cổ phần T chịu toàn bộ án phí KDTM ST với số tiền là 48.550.589 (Bốn mươi tám triệu, năm trăm năm mươi nghìn, năm trăm tám mươi chín đồng).

Hoàn trả cho Ngân hàng T số tiền tạm ứng án phí 47.421.162đ (bốn mươi bảy triệu, bốn trăm hai mươi mốt nghìn, một trăm sáu mươi hai đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 0000632 ngày 16/7/2019, tại Chi cục thi hành án dân sự thị xã Thái Hòa.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND thị xã Thái Hòa;
- TAND tỉnh Nghệ An;
- Chi cục THADS thị xã Thái Hòa;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Trần Thị Ngoan